

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HS-ST
Ngày 04/10/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đoàn Ngọc Vĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thỏa;

Bà Nguyễn Thị Hiên.

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Văn Đạng là Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Ông Ma Phúc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2018/TLST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Hầu Mí P; tên gọi khác: Hầu Mí P1; sinh ngày 22 tháng 8 năm 1989 tại xã T, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hầu Mí T(đã chết) và bà Thào Thị X(S), sinh năm 1960; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt, tạm giam ngày 30/5/2018 hiện nay đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Bị hại: Ông Chảo Chính H; tên gọi khác: Chảo Chính H; sinh năm 1963; nơi cư trú: Thôn B2, xã P, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt, (đơn xin xét xử vắng mặt ngày 03 tháng 10 năm 2018).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Thào Thị S; tên gọi khác: Thào Thị X; nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

+ *Người làm chứng*: Ông Thào Nỗ G; tên gọi khác: Thào Nảo G; sinh năm 1973; nơi cư trú: Thôn S, xã P, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt, (đơn xin xét xử vắng mặt ngày 03 tháng 10 năm 2018).

+ *Người phiên dịch (tiếng Mông)*: Ông Chảo Mí H; sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ 4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 18/5/2009, Hầu Mí P; tên khác: Hầu Mí P1; sinh năm 1989, trú tại thôn K, xã T, huyện Y, tỉnh Hà Giang sang nhà Thào Mí D sinh năm 1992 ở cùng thôn chơi. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày thì Thào Nỗ G sinh năm 1973 ở cùng thôn đem ngô sang nhà D để sát, trong khi ngồi nói chuyện G chủ động rủ nói với D và P là tối nay đi sang Trung Quốc trộm gà, nghe vậy cả hai người cùng nhất trí; sau đó G đem ngô về nhà còn P thì ở lại nhà D. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày G đến nhà D rồi cả ba người cùng xuất phát, khi đi mỗi người cầm theo 01 chiếc đèn pin, đi đến địa phận thuộc xã P, huyện Y do trời mưa đường trơn G đổi ý không đi sang Trung Quốc nữa nên bảo D và P là đi xem mấy hộ gia đình người dân tộc Dao ở trên đường có tài sản gì không thì báo cho G biết. Sau đó D và P đi xem rồi quay lại nói với G là phát hiện có một đàn trâu buộc cách nhà khoảng 05m không có chuồng; nghe vậy, G bảo D và P đi vào dắt trộm lấy 01 con trâu còn G đứng ở ngoài đường canh giới; khi đó D đi đến và đứng chờ cách chỗ buộc trâu khoảng 10m còn P đi vào cởi dây buộc dắt trộm được 01 con trâu cái khoảng sáu năm tuổi đến chỗ D đứng, rồi D đuổi theo sau đến vị trí của G thì cả ba người cùng nhau dắt trâu lấy trộm được đến thôn Sùng Sảng, xã Sùng Cháng, huyện Y, tỉnh Hà Giang lúc này trời sắp sáng nên dắt trâu vào buộc giấu ở trong rừng rồi cả ba người đi về đến nhà.

Đến tối ngày 19/5/2009, P và D sang nhà G rủ nhau đem trâu đi bán lấy tiền chia nhau nhưng G sợ bị phát hiện nên bảo D và P tự dắt trâu đi bán; nghe vậy hai người nhất trí đi đến chỗ buộc giấu trâu dắt con trâu lấy trộm được đi đến đoạn đường khu vực giáp ranh với huyện Đ, tỉnh Hà Giang thuộc địa phận xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang thì gặp hai người dân tộc Mông không rõ tên, tuổi, địa chỉ ở đâu hỏi mua trâu, P và D nhất trí bán con trâu trên cho hai người đó với giá 5.000.000^d. Sau khi bán trâu thì P và D đi về nhà, được khoảng ba đến bốn ngày sau thì G, P và D chia tiền nhau, P được chia số tiền là 1.600.000^d và đã chi tiêu cá nhân hết số tiền này; đến ngày 30/5/2009, Thào Nỗ G và Thào Mí D bị bắt và đã bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử về tội trộm cắp tài sản; tại Bản án số: 07/2009/HSST ngày 18/9/2009 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang đã xử phạt Thào Nỗ G 08 (tám) tháng tù, Thào Mí D 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo về tội trộm cắp tài sản; hiện nay G và D đã chấp hành xong hình phạt, hành vi phạm tội của G và D đã được xử lý thỏa đáng nên không xem xét đề cập trong vụ án này là có căn cứ. Đối với Hầu Mí

P sau khi cùng G và D thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của gia đình ông Chảo Chính H; sinh năm 1963; trú tại xóm B2, xã P, huyện Y, tỉnh Hà Giang xong thì đi sang Trung Quốc làm thuê, sau này P mới biết hành vi của mình cùng G và D trộm cắp tài sản đã bị Công an huyện Y quyết định truy nã; đến ngày 30/5/2018, biết không thể trốn tránh được nên Hầu Mí P đã về nhà, đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y, tỉnh Hà Giang đầu thú.

Theo thông báo kết quả thẩm định giá số: 03/TB-TCKH ngày 11/6/2009 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Y thì 01 con trâu cái khoảng 06 năm tuổi trong vụ án có giá trị là 9.800.000^d (chín triệu tám trăm nghìn đồng).

Trước cơ quan điều tra Hầu Mí P đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội trộm cắp tài sản của mình phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án. Sau khi sự việc xảy ra mẹ của bị cáo Hầu Mí P là bà Thào Thị S (X) đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại Chảo Chính H số tiền là 5.000.000^d. Hiện nay ông Chảo Chính H không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Bản cáo trạng số: 12/CT-VKS-YM ngày 26/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Hầu Mí P về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Hầu Mí P về tội danh, điều luật như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Hầu Mí P phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Hầu Mí P từ 06 đến 08 tháng tù.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thấy hành vi trộm cắp của mình là sai trái chỉ vì mong muốn có được tài sản của người khác mà không phải bỏ công sức lao động nên bị cáo đã bị rủ rê và phạm tội, bị cáo rất ân hận về hành vi của mình, đồng thời bị cáo không có ý kiến tranh luận gì và nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên, chỉ xin được giảm nhẹ hình phạt.

Quá trình điều tra, bị hại cho rằng mình việc bồi thường đã thỏa đáng nên không đề nghị bị cáo P phải bồi thường gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Thào Thị S (X) không có ý kiến tranh luận gì, nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên. Đối với số tiền là 5.000.000^d, bà đã tự nguyện bồi thường thay cho bị cáo, số tiền trên là tiền của bà, bà không yêu cầu bị cáo P phải trả lại cho bà số tiền bà đã bồi thường cho bị hại.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang.

Bị cáo nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Bản thân bị cáo rất ăn năn, hối hận, bị cáo biết mình đã sai và mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

Sau khi thẩm tra các chứng cứ có trong hồ sơ, nghe lời khai của bị cáo, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Hầu Mí P đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, các lời khai và lời nhận tội của bị cáo trước tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo, bị hại và những người làm chứng có trong hồ sơ vụ án. Ngoài ra còn phù hợp với biên bản xác định hiện trường, thông báo kết quả thẩm định giá cùng với toàn bộ chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Tại phiên tòa bị cáo Hầu Mí P thừa nhận hành vi: Ngày 18/5/2009, sau khi được Thào Nỏ G là người chủ mưu, khởi xướng và phân công Hầu Mí P, Thào Mí D thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của gia đình ông Chảo Chính H, Hầu Mí P là người lén lút đến chỗ buộc trâu rồi cởi dây buộc dắt ra 01 con trâu trị giá 9.800.000^d đem đi tiêu thụ. Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo Hầu Mí P đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh, điều luật trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, luận tội của Viện kiểm sát là có căn cứ, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Hầu Mí P phạm tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì mức hình phạt tương xứng với mức hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Do đó, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử không áp dụng quy định có lợi của Bộ luật Hình sự 2015 theo Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội đối với bị cáo.

[2] Về tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã vi phạm pháp luật hình sự. Chỉ vì muốn có được tài sản của người khác mà không phải bỏ công sức lao động, bị cáo là người có đủ năng lực nên nhận thức được quyền về tài sản là thiêng liêng bất khả xâm phạm. Hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương gây hoang mang trong dư luận quần chúng nhân dân, mặt khác sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn sau mới ra đầu thú. Do vậy, cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra nhằm giáo dục, cải tạo đối với bị cáo, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục phòng ngừa và chống tội phạm.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng...”; “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”; ngoài ra bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 do gia đình bị cáo bồi thường thiệt hại thay cho bị cáo; bị hại (ông H) xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; người phạm tội đầu thú và bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật hạn chế.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bà S (X) là mẹ đẻ bị cáo P đã bồi thường thiệt hại thay bị cáo cho ông Chảo Chính H với số tiền là 5.000.000^d (năm triệu đồng). Ông H xác nhận đã nhận đủ số tiền trên và thấy thỏa đáng nên không có yêu cầu, đề nghị gì thêm về phần trách nhiệm dân sự, vì vậy không đề cập giải quyết.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo P không có tài sản và nghề nghiệp ổn định nên không có điều kiện để nộp phạt. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đều được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố cáo. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[7] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

1. Tuyên bố: Bị cáo Hầu Mí P, tên gọi khác: Hầu Mí P1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt: Bị cáo Hầu Mí P 6 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 30/5/2018.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Hầu Mí P, tên gọi khác Hầu Mí P1 phải nộp 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Hà Giang;
- VKS tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Trại giam Công an tỉnh Hà Giang;
- Phòng PC 81, PV 06 CA tỉnh Hà Giang;
- VKS huyện Y;
- Công an huyện Y;
- Cơ quan THA huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có QL, NVLQ;
- Lưu hsva, hsth, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Đoàn Ngọc Vĩnh